

DI SẢN BẤT NGỜ CỦA LY HÔN

Báo cáo Nghiên cứu 25 Năm

[THE UNEXPECTED LEGACY OF DIVORCE
Report of a 25-Year Study]

Tiến sĩ Judith S. Wallerstein

*Trung tâm Judith Wallerstein cho Gia đình trong Quá trình Chuyển đổi
và Đại học California, Berkeley*

Tiến sĩ Julia M. Lewis

Đại học Bang San Francisco

Tiến sĩ Judith S. Wallerstein, làm việc tại Trung tâm cho Gia đình trong quá trình Chuyển đổi Judith Wallerstein, Corte Madera, California, và Trường Phúc lợi Xã hội, Đại học California, Berkeley; Tiến sĩ Julia M. Lewis, thuộc Khoa Tâm lý học, Đại học Bang San Francisco. Thư từ liên quan đến bài viết này xin được gửi tới Judith S. Wallerstein, PhD, 290 Beach Road, Belvedere, CA 94920. E-mail: judywall@mindspring.com

Nghiên cứu này theo dõi 131 trẻ em, từ 3–18 tuổi khi bố mẹ họ ly hôn vào đầu những năm 1970, đánh dấu sự kết thúc của 25 năm nghiên cứu. Việc sử dụng các cuộc phỏng vấn lâm sàng chi tiết (extensive clinical interviews) đã cho phép khám phá sâu rộng về các suy nghĩ (thoughts), cảm giác (feelings) và hành vi (behaviors) của họ khi họ trải qua tuổi thơ (childhood), tuổi vị thành niên (adolescence), tuổi thanh niên (young adulthood) và tuổi trưởng thành (adulthood). Tại thời điểm theo dõi sau 25 năm, một nhóm so sánh gồm các bạn bè cùng trang lứa từ cùng một cộng đồng đã được thêm vào. Được mô tả chi tiết về mặt lâm sàng, những phát hiện này làm nổi bật khoảng cách không ngờ giữa

việc trưởng thành trong gia đình nguyên vẹn (intact) so với gia đình đã ly hôn (divorced), và những khó khăn mà con cái của gia đình ly hôn gặp phải trong việc đạt được tình yêu, sự gần gũi về tình dục (sexual intimacy), cam kết với hôn nhân (commitment to marriage) và làm cha mẹ (parenthood). Những phát hiện này có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra các can thiệp mới về mặt lâm sàng và giáo dục.

Nghiên cứu mà chúng tôi báo cáo ở đây bắt đầu với luật ly-hôn-không-có-lỗi* [no-fault divorce] đầu tiên trên toàn quốc và theo dõi một nhóm gồm 131 trẻ em California có cha mẹ ly hôn vào đầu những năm 1970. Họ được gặp đều đặn trong khoảng thời gian 25 năm sau đó. Khi chúng tôi gặp những người-tham-gia-trẻ-tuổi lần đầu tiên, họ ở độ tuổi từ 3 đến 18; vào khoảng giữa cho đến cuối những năm 1990, khi nghiên cứu của chúng tôi kết thúc, họ ở độ tuổi 28 đến 43. Họ là nhóm tiên phong của một đội quân gồm những người trưởng thành lớn lên trong các gia đình đã ly hôn, chiếm 1/4 dân số Mỹ trong độ tuổi từ 18 đến 44, theo báo cáo năm 1991 trong Khảo sát Quốc gia về Gia đình và Hộ gia đình [National Survey of Families and Households] (liên lạc cá nhân**, Norval Glenn, tháng 11, 1991).

(*) Ly-hôn-không-có-lỗi: Khi một cặp vợ chồng muốn kết thúc cuộc hôn nhân mà không cần phải chứng minh nguyên nhân là do một loại hành vi sai trái cụ thể nào đó [của bạn đời] thì cuộc ly hôn được coi là ly hôn không có lỗi - btw.

(**) Liên lạc cá nhân (personal communication) thường được dùng để chỉ những thông tin hoặc dữ liệu được trao đổi trực tiếp giữa các nhà khoa học hoặc nghiên cứu mà không thông qua các công bố khoa học chính thức - btw.

Trong khi người ta biết rõ rằng trong ba thập kỷ cuối của thế kỷ trước, tỷ lệ ly hôn dao động ở gần một nửa số cuộc hôn nhân đầu tiên, thì người ta lại ít biết rằng một nửa trong số một triệu trẻ em có cha mẹ thuộc nhóm thống kê ly hôn hàng năm chưa quá 6 tuổi khi gia đình tan vỡ (liên lạc cá nhân, Norval Glenn, tháng 11 năm 1991). Giống như các đối tượng nghiên cứu của chúng tôi, những đứa trẻ này sẽ trải qua phần lớn quãng thời gian lớn lên trong gia đình sau ly hôn, thường xuyên tiếp xúc

với hàng loạt mối quan hệ mới của cha hoặc mẹ, bao gồm cả sống thử (cohabitations) và tái hôn (remarriages), và chúng sẽ phải chịu đựng những mất mát mới do tình yêu tan vỡ của cha mẹ hoặc ly hôn lần hai, thậm chí là lần ba. Đây là báo cáo đầu tiên và duy nhất kể lại câu chuyện về cuộc sống trong gia đình sau ly hôn qua ánh mắt của những đứa trẻ.

Gia đình ly hôn là một dạng gia đình mới, không phải là phiên bản cắt xén của gia đình nguyên vẹn (intact family) quen thuộc đã được nghiên cứu trong và giữa nhiều lĩnh vực. Mối quan hệ với cha mẹ kế (stepparents / người không có quan hệ huyết thống nhưng lấy cha mẹ đẻ của trẻ), cha mẹ chăm sóc theo lịch trình (visiting parents / cha mẹ không đang nuôi dưỡng đứa trẻ, thường là cha), anh chị em kế (stepsiblings / người không có quan hệ huyết thống với trẻ, là con của đối tác, bạn đời mới của cha mẹ đẻ) và lối sống (lifestyles) bao gồm quyền nuôi con chung, đây là những điều không có trong gia đình nguyên vẹn. Hơn nữa, như chúng tôi đã báo cáo, khi mối liên kết hôn nhân bị đứt gãy, mối quan hệ cha mẹ – con cái có khả năng thay đổi căn bản theo cách không thể dự đoán từ quá trình của chúng trong thời kỳ hôn nhân. Cả tuổi thơ (childhood) và vai trò làm cha mẹ (parenthood) đều bị thách thức và thường gặp nhiều gánh nặng trong gia đình ly hôn, trong khi cùng lúc đó, nhiều người lớn được giải thoát khỏi những tình huống không hạnh phúc và đôi khi bị kịch. Nếu chúng ta nhớ lại những gì Erikson đã dạy về mối liên kết chặt chẽ giữa tuổi thơ và xã hội, thì chúng ta, như một xã hội, đang ở giữa những thay đổi sâu sắc trong mối quan hệ của chúng ta với nhau và giữa các thế hệ. Tác động của những thay đổi sâu rộng này lên toàn xã hội cũng như trên nhiều cá nhân có cuộc sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng này - mới chỉ được đề cập hoặc thậm chí không được đánh giá cao.

Nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của chúng tôi là làm sáng tỏ những trải nghiệm xã hội và tâm lý của trẻ em và phụ huynh trong quá trình ly hôn và những

năm sau ly dị. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến ảnh hưởng của trải nghiệm ly dị đối với quá trình phát triển, khái niệm về bản thân (self-concept), cảm xúc [cảm giác] của trẻ, cũng như những giai đoạn quan trọng khi trưởng thành. Ngay từ đầu, chúng tôi đã lo ngại về phản ứng hoang mang và sợ hãi của trẻ em trước sự tan vỡ của cha mẹ. Vài năm sau, khi hầu hết các phản ứng do khủng hoảng ban đầu đã giảm bớt, chúng tôi tập trung vào nhiều vấn đề liên quan đến tuổi vị thành niên trong nhóm này. Chúng tôi đặc biệt lo lắng về sự dễ bị tổn thương của các cô gái tuổi mới lớn trong gia đình ly dị, sự tức giận và hành vi phản kháng rộng rãi của cả bé gái và bé trai, cũng như nhu cầu sâu sắc cho sự cam kết từ cả hai bậc cha mẹ ở giai đoạn phát triển thường hay biến động này. Trong những năm cuối của nghiên cứu, khi các bạn trẻ bước vào tuổi trưởng thành và chuyển sang độ tuổi 20 và 30, chúng tôi quan tâm đến mối quan hệ và sự điều chỉnh tổng thể trong xã hội người lớn, bao gồm khái niệm về bản thân và giá trị của họ. Các phát hiện của chúng tôi ở mỗi thời điểm đã được báo cáo trong nhiều ấn phẩm (Wallerstein & Blakeslee, 1989; Wallerstein & Kelly, 1980; Wallerstein, Lewis, & Blakeslee, 2002) và được biết đến rộng rãi trong giới chuyên gia và cả không chuyên ở trong và ngoài nước. Tại đây chúng tôi xem xét lại một cách ngắn gọn các phát hiện trước đó của mình và sau đó chuyển sang một số phát hiện chính vào thời điểm 25 năm sau, khi các thành viên tham gia nghiên cứu đã tiến xa vào tuổi trưởng thành. Chúng tôi cũng xây dựng một kế hoạch ban đầu cho các can thiệp lâm sàng và giáo dục nhằm giảm bớt sự lo âu và khổ đau phổ biến mà chúng tôi đã phát hiện vào thời điểm muộn hơn.

Mẫu của chúng tôi

Nghiên cứu bắt đầu vào năm 1971 tại một quận phía bắc California. Các gia đình ly hôn có con nhỏ được luật sư của họ giới thiệu với sự khích lệ của thẩm phán tòa án gia đình địa phương (local family court judge), người đã ủng hộ nghiên cứu của chúng tôi. Những gia đình được chọn phản ánh sự sẵn lòng tham gia của cả hai bên phụ huynh. Các em nhỏ được yêu cầu phải đạt được các tiêu chuẩn học tập và phát triển thích

hợp và chưa bao giờ được giới thiệu đi tư vấn vì các vấn đề về cảm xúc. Như vậy, ngay từ ban đầu, các em là một nhóm tâm lý vững vàng, đã có thể duy trì quỹ đạo phát triển của mình mặc dù sống trong những gia đình có vấn đề. Các em có độ tuổi từ 3 đến 18. Năm mươi ba phần trăm dưới 8 tuổi. Năm mươi hai phần trăm là nữ giới. Tám mươi phần trăm các gia đình là người da trắng. Cha mẹ có trình độ học vấn cao: 72% cha và 38% mẹ tốt nghiệp đại học. Hai mươi lăm phần trăm cha có bằng sau đại học. Tình trạng kinh tế xã hội của họ chủ yếu thuộc tầng lớp trung lưu. Tuổi trung bình của cha mẹ vào khoảng giữa 30 [34 - 35 - 36]. Họ đã kết hôn trung bình 11 năm, dao động từ 4 đến 23 năm. Đối với hơn 90% trường hợp, đây là cuộc hôn nhân đầu tiên. Mục tiêu của chúng tôi khi xây dựng mẫu này khá đồng nhất, người da trắng, tầng lớp trung lưu là để xem xét ly hôn trong điều kiện tốt nhất và loại bỏ càng nhiều càng tốt các vấn đề về nghèo khó và kỳ thị sắc tộc [ethnic discrimination / còn gọi là phân biệt chủng tộc, vốn rất phổ biến ở các quốc gia đa chủng tộc như Hoa Kỳ].

Cha mẹ và con cái đã được liên hệ lại sau 18 tháng kể từ khi sự kiện chia ly diễn ra và tiếp tục tại các mốc 5 năm và 10 năm sau. Đối với đợt theo dõi 25 năm sau, chỉ có các con, nay đã là người trưởng thành, được gặp gỡ và phỏng vấn. Tại đợt theo dõi 18 tháng, 56 trong số 60 gia đình, bao gồm 108 trẻ em, đã tham gia; tại mốc 10 năm, có 52 gia đình và 113 trẻ em tham gia. Tại đợt theo dõi 25 năm, 48 (80%) trong số 60 gia đình ban đầu đã được liên hệ [ý là đồng ý tiếp tục khảo sát và liên hệ thành công]. Trong số đó có hai gia đình mà người cha khi được liên hệ đã không sẵn lòng giúp chúng tôi liên hệ với con cái họ, và có một người mẹ không biết về nơi cư trú của con mình. Ba người con trưởng thành đã qua đời (một người chết vì AIDS, một người tử vong trong một vụ tai nạn xe hơi [chỉ có xe đó mà không có xe nào khác] - có thể là một vụ tự tử, và một người chết do rối loạn miễn dịch). Một người khác bị giam giữ vì tội cướp có vũ trang. Mẫu nghiên cứu sau 25 năm bao gồm 93 người con trưởng thành (73% của mẫu ban đầu) từ 45 gia đình (75% của tổng số 60 ban đầu). Độ tuổi của họ khi lần cuối được gặp dao động

từ 28 đến 43 tuổi, với tuổi trung bình là 33 tuổi. Tỷ lệ giữ liên lạc cao qua chặng đường 25 năm là nhờ vào sự tin cậy đã được xây dựng trong các cuộc phỏng vấn, điều mà các đối tượng đã bày tỏ sự đánh giá cao. So sánh giữa những gia đình không tham gia vào cuộc theo dõi sau 25 năm và những gia đình có tham gia cho thấy không có sự khác biệt về trình độ kinh tế xã hội hoặc học vấn của cha mẹ hay tuổi tác hoặc trình độ học vấn của con cái, như đã được báo cáo lần cuối tại cuộc theo dõi sau 10 năm.

Nhóm So Sánh cho Cuộc Theo Dõi 25 Năm

Đối với cuộc theo dõi 25 năm (25-year follow-up), chúng tôi đã tuyển một nhóm so sánh gồm 44 người lớn cùng độ tuổi, đã lớn lên trong cùng một khu phố và tốt nghiệp từ cùng một trường tiểu học và trung học. Những câu chuyện của những người lớn này, những người lớn lên trong gia đình nguyên vẹn—một số hoàn hảo, một số hỗn loạn và đầy xung đột, và phần lớn là ở giữa—đã giúp chúng tôi mở rộng quan sát về cách thức mà việc lớn lên trong một gia đình sau ly hôn giống và khác biệt so với việc lớn lên trong một gia đình nguyên vẹn "đủ tốt" (hoặc thậm chí không hạnh phúc): làm thế nào việc sống với bố mẹ vẫn còn kết hôn ảnh hưởng đến thái độ, sự lựa chọn và hành vi trong quá trình tìm kiếm bạn đời và kết hôn; làm thế nào việc sống trong gia đình bạo lực, hỗn loạn ảnh hưởng đến sự phát triển khi bố mẹ vẫn còn giữ gìn cuộc hôn nhân.

Chúng tôi sử dụng thuật ngữ "*so sánh / comparison*" thay vì "*kiểm soát / control*" cho nhóm được tuyển từ những cuộc hôn nhân nguyên vẹn, bởi vì nó miêu tả chính xác một mẫu phù hợp theo các biến số liên quan như tuổi tác, trạng thái kinh tế xã hội của cha mẹ, việc lớn lên trong cùng một khu phố, và tốt nghiệp từ cùng một trường tiểu học và trung học. Một phương pháp tiếp cận cá nhân đã thu hút được phần lớn các thành viên tham gia của chúng tôi. Những người tổ chức các buổi tụ họp cựu sinh viên tại các trường trung học mà con cái chúng tôi đã theo học, đã giúp ích rất nhiều trong việc cung cấp cho chúng tôi danh sách bạn

cùng lớp và chỉ dẫn chúng tôi đến những người này. Những đối tượng tham gia nghiên cứu này (trong nhóm so sánh) là những người có cha mẹ không ly hôn. Chúng tôi đã tiếp cận các đối tượng tiềm năng với một mô tả trung thực về nghiên cứu của chúng tôi và yêu cầu họ tham gia. Mặc dù cuộc sống bận rộn, yêu cầu của chúng tôi đã thu hút được sự quan tâm lớn. Các đối tượng không nhận được tiền thù lao.

Nhóm so sánh bao gồm 44 người lớn từ 27 gia đình. Giống như mẫu ban đầu của chúng tôi gồm các em nhỏ sau 25 năm, họ có độ tuổi từ 28 đến 43, với tuổi trung bình là 34. Hơn 90% là người da trắng, và 64% là nữ giới. Trình độ học vấn của cha mẹ, chỉ số tin cậy nhất mà chúng tôi có thể thu thập về tình trạng kinh tế xã hội của gia đình khi các em còn nhỏ, tương tự như cha mẹ đã ly hôn: 74% cha trong nhóm so sánh và 72% cha đã ly hôn, cùng 41% mẹ trong nhóm so sánh và 38% mẹ đã ly hôn hoàn thành đại học. Mức thu nhập hiện tại của cha mẹ trong nhóm so sánh và cha đã ly hôn khá giống nhau, với 30% cha mẹ trong nhóm so sánh so với 33% cha đã ly hôn cảm thấy rất thoải mái và 44% so với 47% có thu nhập trên mức đủ. Một số ít (11%) cha mẹ trong nhóm so sánh có hoàn cảnh tài chính dưới mức đủ. Không có người cha nào trong cả hai nhóm sống dưới mức nghèo khó. Như dự kiến, các bà mẹ đã ly hôn cho thấy phạm vi tài chính khác biệt, với 10% ở *mức dưới đủ hoặc nghèo khó* và chỉ có 5% trong danh mục *rất thoải mái* sau 25 năm.

Nghiên Cứu Ban Đầu

Quá trình chẩn đoán bao gồm 15 giờ phỏng vấn lâm sàng cho mỗi gia đình. Cả bố mẹ và tất cả các con đều được phỏng vấn riêng lẻ, trừ trường hợp các con thanh thiếu niên khẳng khẳng muốn được gặp cùng nhau. Các em nhỏ từ 3-8 tuổi được tiếp xúc trong một phòng chơi đầy đủ đồ chơi với hai ngôi nhà búp bê được trang bị đầy đủ, rối, vật liệu vẽ, súng đồ chơi và lính, cùng các phụ kiện thu nhỏ khác. Hai ngôi nhà búp bê giúp các em dễ dàng thể hiện cảm xúc về gia đình; ngay từ động tác mở đầu phiên của mình, hầu hết trẻ em đã đẩy hai ngôi nhà lại gần nhau và đặt hình bố mẹ vào cùng một giường. Trẻ em được gặp ít nhất

hai lần và thường là ba lần để thiết lập mối quan hệ mà trong đó trẻ có thể thoải mái thể hiện cảm xúc, nỗi sợ hãi, hy vọng và ước muốn của mình. Các cuộc phỏng vấn đánh giá đã khám phá ra chất liệu tưởng tượng từ trò chơi và sự sáng tạo nghệ thuật của từng em về bản chất của sự thay đổi trong gia đình, điều gì hoặc ai mà trẻ nghĩ đã gây ra sự tan vỡ, và trẻ mong đợi điều gì sẽ xảy ra sau này.

Lịch sử về quá trình tán tỉnh, kết hôn, nguyên nhân dẫn đến ly hôn, cũng như mối quan hệ pháp lý và cá nhân trong suốt quá trình chia tay đã được mỗi phụ huynh kể lại chi tiết. Họ cũng được hỏi về bạo lực hay ngoại tình, về kế hoạch tái hôn của họ, và mối quan hệ giữa con cái với các thành viên khác trong gia đình và bạn bè. Họ cung cấp chi tiết về hành vi của con cái trong quá khứ gần và hiện tại, cũng như ấn tượng chung về con cái, mối quan hệ của họ với con cái trong quá khứ và hiện tại, bao gồm cả việc ai chịu trách nhiệm chăm sóc hàng ngày và thực hiện kỷ luật, những gì mà từng đứa trẻ đã được thông báo về việc chia tay hoặc có thể đã tiếp xúc liên quan đến nó, và phản ứng của con cái ra sao. Kế hoạch cho việc chăm sóc con cái trong tương lai, bao gồm quyền nuôi dưỡng và thăm nom, cũng được thu thập.

Các cuộc phỏng vấn được thực hiện bởi các chuyên gia lâm sàng có kinh nghiệm, tất cả đều đã trải qua đào tạo đặc biệt trong mục tiêu làm việc với trẻ em. Các cuộc phỏng vấn được ghi lại một cách chi tiết và rất nhiều sự chú ý đã được dành để ghi chép lại chính xác các phát ngôn và ngôn ngữ cơ thể của trẻ em và phụ huynh. Tại thời điểm nghiên cứu ban đầu và theo dõi sau 18 tháng, giáo viên của mỗi đứa trẻ đã được một chuyên gia lâm sàng phỏng vấn - người này biết rằng đứa trẻ đến từ một gia đình ly hôn nhưng không biết rõ về lịch sử gia đình. Việc phỏng vấn giáo viên trực tiếp đã cung cấp thông tin chi tiết và tinh tế hơn về hành vi và tính cách của trẻ so với những gì có thể được ghi lại trên các bảng kiểm tra hành vi trẻ em hay bảng câu hỏi. Do đó, cậu bé ngồi hàng tháng liền từ chối cởi chiếc áo khoác dày trong lớp học ấm áp, hay cô bé tạo ra một câu chuyện tưởng tượng phức tạp về một em

trai sơ sinh không tồn tại, nhưng hàng ngày lại kể cho giáo viên nghe, thể hiện những hành vi mà nên được báo cáo trong một bảng kiểm tra. Nhưng sự kỳ vọng sợ hãi của cậu bé rằng mình có thể phải rời đi bất cứ lúc nào và việc cô bé sử dụng trí tưởng tượng để lấp đầy khoảng trống trong gia đình đã trở thành những chủ đề nổi bật trong tính cách của họ khi lớn lên.

Tại mỗi cuộc tiếp xúc tiếp theo, các cuộc phỏng vấn được thực hiện theo phương pháp mở, trong đó người tham gia được khuyến khích giải thích chi tiết cảm xúc, nhận thức, thái độ, hành vi, quyết định, ý kiến, hy vọng và lo lắng của họ về các lĩnh vực mục tiêu trong cuộc sống của họ. Các cuộc phỏng vấn được ghi âm với sự cho phép của đối tượng, điều này thường được chấp nhận. Nghĩa là, các câu hỏi rất rộng, được thiết kế để cho phép đối tượng được tự do tối đa trong việc đưa ra những ký ức, ý kiến và những sự việc tưởng chừng như không liên quan. Những câu hỏi điển hình là “Hãy kể cho tôi nghe về tình yêu”, “Hãy kể cho tôi nghe về tình dục”, “Hãy nói cho tôi biết về mối quan hệ của bạn với bạn bè”. Những cuộc phỏng vấn này với các bác sĩ lâm sàng quen thuộc, những người đã tham gia ngay từ đầu, đã mang lại tài liệu giàu nội dung cảm xúc và cách diễn đạt. Phụ huynh được phỏng vấn ít nhất một giờ và đôi khi lâu hơn ở mỗi lần theo dõi. Trẻ em được phỏng vấn hoặc, tùy theo độ tuổi, được gặp trong các buổi chơi có tổ chức và các cuộc trò chuyện trực tiếp.

Những người tham gia trong nhóm so sánh được phỏng vấn tương tự ở mốc 25 năm. Các cuộc phỏng vấn với những đứa trẻ trưởng thành từ những ngôi nhà nguyên vẹn này kéo dài trung bình hơn 2 giờ, trong đó có nhiều cuộc phỏng vấn kéo dài hơn 3 giờ trong một hoặc nhiều cuộc phỏng vấn. Hình thức phỏng vấn được sử dụng cho nhóm so sánh tương tự như được sử dụng cho nhóm ly hôn ngoại trừ các câu hỏi liên quan đến ly hôn của cha mẹ được thay thế bằng các câu hỏi về hôn nhân của cha mẹ.

Tại thời điểm theo dõi sau 25 năm, một bảng câu hỏi đã được thêm vào và thực hiện đối với cả nhóm ly hôn và nhóm so sánh. Bảng câu hỏi đặt các câu hỏi về đặc điểm nhân khẩu học, như tình hình cuộc sống, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập, tình trạng hôn nhân, ly hôn và con cái. Nó cũng bao gồm các thang đo tự báo cáo về mức độ và chất lượng của mối liên hệ với các thành viên trong gia đình, bao gồm cả con cái (và gia đình kế trong trường hợp của mẫu ly hôn), chất lượng của các mối quan hệ người lớn, phong cách làm cha mẹ, sự hài lòng trong nghề nghiệp, các sự kiện cuộc sống và trạng thái tự đánh giá về lòng tự trọng, hạnh phúc và trầm cảm, cũng như một số câu hỏi mở rộng về ý kiến và cảm xúc liên quan đến tác động của việc ly hôn của cha mẹ hoặc, đối với nhóm so sánh, là sự tiếp tục của cuộc hôn nhân cha mẹ. Bảng câu hỏi này được sử dụng như một phương pháp bổ sung để thu thập dữ liệu mà sau đó chúng ta có thể so sánh với các phản hồi từ cuộc phỏng vấn.

Các bản tóm tắt trường hợp chi tiết, bao gồm cả phản hồi của người tham gia và ấn tượng lâm sàng của người phỏng vấn, đã được chuẩn bị sau mỗi lần tiếp xúc. Những báo cáo này đã cung cấp cơ sở cho các hội nghị trường hợp lâm sàng để phát triển một câu chuyện gia đình cũng như một câu chuyện cá nhân về mỗi đứa trẻ, bao gồm những yếu tố trong gia đình, trong môi trường xã hội và trong chính đứa trẻ khiến chúng có nguy cơ, và các yếu tố bảo vệ có sẵn trong và ngoài gia đình cũng như trong chính bản thân trẻ. Câu chuyện cũng đã đề ra phản ứng tâm lý trung tâm của trẻ em đối với việc tan vỡ dựa trên hoạt động chơi và vật liệu tưởng tượng cũng như hành vi của trẻ ở nhà và ở trường. Mỗi bản ghi chép (cùng với các phản hồi từ bảng câu hỏi ở năm thứ 25) đã được mã hóa theo một loạt các thang đánh giá và các mục phân loại. Việc mã hóa này ở năm thứ 25 chứa thông tin từ ba phương pháp thu thập dữ liệu: phản hồi trong quá trình phỏng vấn, phản hồi tự báo cáo từ bảng câu hỏi, và ấn tượng lâm sàng của người phỏng vấn và hội nghị lâm sàng (clinical conference). Người phỏng vấn không mã hóa đối tượng mà họ đã phỏng vấn. Trước cuộc theo dõi 10 năm, độ tin cậy

giữa người đánh giá đã được thiết lập thông qua phương pháp đồng thuận, nơi những khác biệt trong việc mã hóa được thảo luận và giải quyết, và sau đó được kiểm tra lại trên một hồ sơ khác. Khi đạt được sự đồng thuận, các mục được giữ lại; khi không thể đạt được sự đồng thuận, các mục được loại bỏ. Tại các cuộc theo dõi 10 và 25 năm, một phương pháp chính thức hơn cho độ tin cậy đã được áp dụng, nơi các mục mã hóa yêu cầu phán đoán lâm sàng trước tiên được thảo luận kỹ lưỡng giữa các người đánh giá và các mô tả hoạt động cố định điểm đánh giá đã được phát triển. Sử dụng các bản ghi chép lựa chọn từ 10% mẫu nghiên cứu, chúng tôi tính toán độ tin cậy giữa người đánh giá sử dụng thống kê Kendall's tau b cho các mục cấp độ thứ tự và thống kê kappa cho các mục mã hóa kiểu danh nghĩa. Các mục dưới mức chấp nhận về sự thỏa thuận thống kê đã được xem xét lại và điểm quy mô hoạt động được tinh chỉnh thêm. Nơi không thể đạt được sự thỏa thuận chấp nhận sau vòng hai này, các mục đã bị loại bỏ. Kết quả đã được đánh giá, sử dụng một thước đo toàn cầu và ba biện pháp cụ thể (Lewis & Wallerstein, 1987).

Khảo cứu nhanh các nghiên cứu

Mặc dù nghiên cứu về trẻ em trong các gia đình ly hôn [gọi tắt là trẻ em ly hôn] đã tăng từ mức gần như không có - khi nghiên cứu này bắt đầu, lên đến một thư viện đầy đủ, nhưng các nghiên cứu theo chiều dọc theo dõi quá trình ly hôn ở trẻ em cho đến tuổi trưởng thành là rất ít. Chúng tôi ghi lại ngắn gọn những phát hiện từ các nghiên cứu của Amato, Cherlin và Hetherington. Tất cả đều dựa trên quần thể mẫu quy mô lớn ở Hoa Kỳ hoặc Vương quốc Anh. Họ sử dụng thang đánh giá tiêu chuẩn và danh sách kiểm tra triệu chứng, được cung cấp qua điện thoại hoặc trực tiếp cho phụ huynh, giáo viên và khi đưa trẻ lớn lên, trở thành người trưởng thành, để tìm hiểu những phát hiện của họ về kết quả tâm lý và xã hội. Bất chấp những khác biệt về chi tiết, những nghiên cứu này và những nghiên cứu dài hạn khác sử dụng những phương pháp này phần lớn đều đồng ý rằng có những khác biệt đáng kể nhưng tương đối nhỏ giữa những người trưởng thành từ các gia đình ly hôn và những

người lớn lên trong những ngôi nhà nguyên vẹn. Do đó, trong một đánh giá toàn diện về nghiên cứu trong những năm 1990, Amato và các đồng nghiệp của ông đã báo cáo rằng người lớn và trẻ em [trong gia đình tan vỡ] đạt điểm thấp hơn so với những người cùng lứa tuổi trong các gia đình có vợ chồng về nhiều chỉ số hạnh phúc, bình an (well-being). Họ phát hiện ra rằng những người trưởng thành lớn lên trong những gia đình ly hôn bị thiếu hụt các kỹ năng xã hội và gặp những vấn đề đặc biệt trong việc giải quyết xung đột trong cuộc hôn nhân của chính họ sau này (Amato, 2000; Amato & DeBoer, 2001). Cherlin và các đồng nghiệp của ông đã thu hút đối tượng ly hôn của họ từ một nghiên cứu y tế công cộng dài hạn trên toàn quốc ở Vương quốc Anh, bắt đầu vào năm 1958 (Cherlin, Chase-Lansdale, & McRae, 1988; Cherlin, Kiernan, & Chase-Lansdale, 1995). Mặc dù ban đầu Cherlin nhận thấy rằng những khó khăn của con cái là hiển nhiên trước khi ly hôn, nhưng nghiên cứu gần đây nhất của ông (Cherlin và cộng sự, 1995) cho thấy các đối tượng từ các gia đình ly hôn đang trải qua những khó khăn tâm lý nghiêm trọng sau khi đến tuổi trưởng thành, điều này không thể lường trước được. Hetherington đã nghiên cứu 144 gia đình, một nửa trong số đó còn nguyên vẹn và một nửa đã ly hôn, với đối tượng mục tiêu là đứa trẻ 4 tuổi vào thời điểm ly hôn (Hetherington & Kelly, 2002). Con số này sau đó đã được bổ sung để có được tổng số 450 gia đình với 900 thanh niên được phân bổ trong các gia đình nguyên vẹn, đã ly hôn và tái hôn trong đợt đánh giá 25 năm.

Hetherington dựa vào sự kết hợp của các bài kiểm tra tâm lý, quan sát video, bảng câu hỏi, các cuộc phỏng vấn có cấu trúc cao và danh sách kiểm tra triệu chứng. Nhiều phát hiện của cô hoàn toàn phù hợp với những phát hiện được trình bày trong bài viết này, đặc biệt liên quan đến mức độ lo lắng cao độ mà những thanh niên xuất thân từ những gia đình đã ly hôn gặp phải trong mối quan hệ với người khác giới và trong vai trò làm cha mẹ. Khi đối chiếu với danh sách các triệu chứng tâm thần, cô phát hiện ra rằng 20%–25% trẻ em là những người trưởng thành gặp rắc rối so với 10% ở những đứa trẻ lớn lên trong những gia

đình nguyên vẹn. Cô ấy lưu ý, “Bây giờ, con số gấp đôi đó không phải là điều có thể xem nhẹ. Nó lớn hơn cả mối liên hệ giữa việc hút thuốc và ung thư” (Hetherington, 2002, trang D6).

Mặc dù mỗi nghiên cứu có sự khác biệt nhất định về thiết kế và phương pháp luận, tất cả đều sử dụng dữ liệu tổng hợp của nhóm dựa trên bảng câu hỏi, cuộc phỏng vấn có cấu trúc cao và danh sách kiểm tra triệu chứng, sau đó tiến hành phân tích thống kê. Nghiên cứu của chúng tôi nổi bật với việc nghiên cứu chất lượng về từng trẻ em trong gia đình của mình qua nhiều thập kỷ.

Các phát hiện

Những Thay Đổi Ban Đầu

Chúng tôi chỉ trình bày ở đây một vài phát hiện chính từ công việc của chúng tôi. Tóm tắt một số phát hiện ban đầu: Việc lớn lên khó khăn hơn đối với hầu hết trẻ em trong những năm sau ly hôn. Cuộc sống của cha mẹ và con cái thay đổi hoàn toàn gần như chỉ sau một đêm, khi họ phải vật lộn để thiết lập lại chức năng kinh tế, xã hội và của chính mình, đồng thời cố gắng xây dựng lại mạng lưới xã hội đã rách nát của cuộc đời họ. Trẻ em ở mọi lứa tuổi đều phải vật lộn với sự hoang mang, đòi hỏi sự điều chỉnh trong cách tiếp xúc với cả cha và mẹ. Chúng thường phải đối mặt với việc chuyển đến một khu phố mới và một trường học mới, cùng với đó là những gián đoạn và mất mát trong tình bạn và hoạt động của chúng. Ở nhà, trẻ phải đối mặt với việc hạn chế nghiêm trọng việc nuôi dạy con cái vào đúng thời điểm trẻ cần sự giúp đỡ của cha mẹ để hiểu những gì đang xảy ra và hỗ trợ trẻ nỗ lực thích nghi với những thay đổi lớn trong và ngoài gia đình. Thông thường, chính cha mẹ lại trở thành nguồn gốc khiến đứa trẻ lo lắng. “Ai đang chăm sóc bố tôi?” là một câu hỏi thường xuyên. Hậu quả của sự tan vỡ trong gia đình đặc biệt nghiêm trọng đối với trẻ nhỏ. “Con cần một người mẹ mới,” một đứa trẻ 5 tuổi lo lắng nhấn mạnh. Trong tâm trí non nớt của cô bé, người mẹ

yêu thương, tận tụy của cô đã biến mất và thay vào đó là một người xa lạ căng thẳng, cáu kỉnh, không sẵn có (unavailable). Những thay đổi lớn trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, cùng với sự lo lắng cao độ của con cái, hầu hết đều bị bắt ngờ trước cuộc chia tay, đã được ghi lại rõ ràng trong nghiên cứu trước đây của chúng tôi (Wallerstein & Blakeslee, 1989; Wallerstein & Kelly, 1980) và những người khác (Hetherington & Kelly, 2002).

Từ trải nghiệm về sự tan vỡ của cha mẹ, trẻ em ở mọi lứa tuổi đã rút ra một kết luận khiến chúng sợ hãi: Mỗi quan hệ cá nhân không đáng tin cậy, và ngay cả những mối quan hệ gia đình thân thiết nhất cũng không thể kỳ vọng sẽ vững bền. Như chúng tôi phát hiện sau này, đây là một chủ đề lâu dài nổi lên với tầm quan trọng mới khi những đứa trẻ bước vào tuổi trưởng thành. Niềm tin rằng các mối quan hệ khó có thể kéo dài được củng cố bởi những trải nghiệm qua các năm sau ly hôn và hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi lượng thời gian chúng sống cùng mỗi bên cha mẹ. Hai phần ba số trẻ đã trải qua nhiều cuộc hôn nhân và ly hôn, cùng với những mối tình tan vỡ không được ghi chép và các mối quan hệ sống thử tạm thời của cha hoặc mẹ. Ít hơn 10% số trẻ có cha mẹ thiết lập được cuộc hôn nhân thứ hai ổn định, lâu dài, nơi các em cảm thấy hoàn toàn được chào đón và là một phần của gia đình. Sự khác biệt thường xuyên trong việc điều chỉnh sau ly hôn của cha mẹ cũng là nguồn gốc của nỗi buồn sâu sắc cho các em cho tới khi trưởng thành.

Nhớ Lại Cảm Giác Cô Đơn và Nỗi Sợ Bị Bỏ Rơi

Các sự kiện cụ thể, bao gồm xung đột xung quanh việc ly hôn của cha mẹ, đã phai nhạt nhưng không bị quên lãng bởi những đứa trẻ của cuộc ly hôn này sau 25 năm. Xung đột từ trước khi gia đình tan vỡ không chiếm ưu thế trong ký ức của chúng, trừ khi xung đột tiếp tục làm phiền não gia đình trong nhiều năm. Chủ yếu, các em nhớ lại những ký ức của chính mình, cảm giác sốc và đau khổ vào thời điểm chia ly và hậu quả của nó. Hầu như ai cũng nhớ cảm giác cô đơn, hoang mang, giận dữ

với cha mẹ. Nhiều người đã khóc khi kể lại quá khứ của mình và nỗi sợ hãi thời thơ ấu rằng họ sẽ bị cha mẹ bận rộn lãng quên. Những cảm giác này đặc biệt mạnh mẽ, nhiều thập kỷ sau, ở những người từ 6 tuổi trở xuống vào thời điểm đó. Đối với họ, việc mất đi sự sẵn sàng của cha mẹ là điều đau khổ nhất, bởi vì họ có rất ít khả năng tự an ủi bản thân. "Tôi nhớ cảm giác rất cô đơn. Tôi sẽ trải qua nhiều ngày không có ai để nói chuyện hay chơi cùng." "Tôi nhớ mình đã tức giận với tất cả mọi người."

Ký ức về sự mất mát và bạo lực

Những chủ đề này được ghép nối với những cảnh tượng sống động mà những người đã trải qua việc bị bố mẹ bỏ rơi hoặc chứng kiến bạo lực giữa cha mẹ họ. Vài người từng bị bỏ rơi nhớ lại từng chi tiết nhỏ nhất về lần cuối cùng và nơi họ nhìn thấy phụ huynh đã rời bỏ. "Tôi nhớ ánh nắng chiếu lên những hoa văn trên thảm phòng khách vào buổi chiều muộn. Đó là lần cuối cùng tôi thấy bố tôi. Lúc đó tôi mới 4 tuổi," một phụ nữ 30 tuổi chia sẻ. Gần 25% trẻ em có ký ức về cảnh bạo lực rõ ràng và chi tiết. Nỗi sợ hãi và cảm giác bất lực của họ vào thời điểm đó đã được giữ nguyên trong ý thức khi trưởng thành. Trong một nửa số gia đình này, bạo lực bắt đầu hoặc gia tăng trong quá trình chia tay. Một số người con trưởng thành, khi đó mới 4 hoặc 5 tuổi, không có ký ức ý thức về các sự kiện bạo lực nhưng lại báo cáo về những giấc mơ tái diễn, trong đó các cảnh bạo lực được tái hiện. Một phụ nữ 30 tuổi phải chịu đựng những cơn ác mộng nghiêm trọng xảy ra hai lần mỗi tuần và tái hiện lại một cảnh bạo lực đặc biệt khi cha cô lao vào nhà với khẩu súng và cố gắng bắn mẹ cô nhưng đã bị bắt kịp thời. Khi được kể về giấc mơ này, mẹ cô giải thích rằng sự việc đã xảy ra y hệt như vậy, khi cô gái mới 4 tuổi. Cô con gái trả lời, "Tôi không nhớ gì cả." Một người đàn ông 34 tuổi miêu tả làm thế nào, khi mới 5 tuổi, anh ta đã liên tục đập đầu vào tường khi cha anh ta đánh mẹ anh trong phòng kế bên. Bạo lực đôi khi là dấu hiệu dẫn đến quan hệ tình dục của cha mẹ, điều mà các con họ cũng nghe lỏm (overhearing) được. Mặc dù bạo lực đã

chấm dứt sau khi ly hôn được hoàn tất, các triệu chứng sau chấn thương của trẻ em vẫn kéo dài. Không ai trong số họ được điều trị trước khi trưởng thành, cho đến khi một số tự tìm kiếm liệu pháp sau này.

Mảnh Ghép Ký Ức

Hơn một nửa số đối tượng của chúng tôi báo cáo những mảnh ghép ký ức ghi lại những khoảnh khắc then chốt của quá trình chia tay hoặc những năm tháng sau đó. Những hình ảnh này xâm nhập vào mối quan hệ của họ khi trưởng thành tại những thời điểm khủng hoảng. Một phụ nữ trong độ tuổi 30 cho biết, ký ức mạnh mẽ nhất về việc ly hôn của cha mẹ cô, khi cô mới 11 tuổi, là hình ảnh người cha đang khóc trong khi từ từ bước đi trên lối đi rợp bóng hoa dẫn ra khỏi ngôi nhà gia đình, sau khi bị mẹ đuổi ra vì đã phản bội. Ký ức này lóe lên trước mắt cô mỗi khi cô suy nghĩ về việc rời bỏ bạn trai nghiện rượu. Theo lời kể của cô, nước mắt của bạn trai đã làm sống lại hình ảnh người cha đang khóc và ngăn cô không rời đi. Những mảnh ghép như vậy, thường xuyên xuất hiện lớn lao trong các mối quan hệ khi họ trưởng thành, phản ánh sự đau khổ của cha mẹ mà đứa trẻ đã cảm nhận và tiếp thu. Sự đau khổ sâu sắc của cha mẹ sau sự chia ly để lại dấu ấn cảm xúc không thể phai mờ. Một phụ nữ nói: “Tôi không bao giờ có thể làm điều gì đối với người khác như những gì mẹ tôi đã làm với cha.” Chúng tôi phát hiện ra rằng hơn một nửa số đối tượng của chúng tôi mang theo những mảnh ghép ký ức tương tự, trở thành những yếu tố xâm nhập mạnh mẽ vào các mối quan hệ khi họ trưởng thành. Việc đứa trẻ tiếp thu và giữ lại (internalizing / nội tâm hóa) sự đau khổ hoặc niềm vui của cha mẹ phần lớn đã không được nhận ra.

Tuổi Thơ

Hầu như không có đối tượng nào của chúng tôi mô tả một tuổi thơ hạnh phúc; thực tế, một số trẻ em đã nói với chúng tôi rằng “ngày họ (cha mẹ)

ly hôn chính là ngày tuổi thơ của tôi kết thúc / the day they divorced was the day my childhood ended.” Những đứa trẻ lớn hơn đã đảm nhận rất nhiều trách nhiệm trong gia đình, chăm sóc các em nhỏ và thường xuyên chăm sóc cả bố mẹ cần sự giúp đỡ. Chúng tự hào về vai trò hỗ trợ của mình và phát triển lòng trách ẫn và ý thức trách nhiệm đạo đức từ khi còn rất nhỏ. Đối với những người đã làm quá nhiều việc trong quá nhiều năm, cái giá phải trả là quá cao. Họ đã bỏ lỡ niềm vui của tuổi thơ và tuổi vị thành niên cũng như các khía cạnh quan trọng của sự phát triển xã hội. Một phát hiện sau 25 năm là họ [những đứa trẻ trong gia đình ly hôn] thường xuyên áp dụng vai trò chăm sóc quen thuộc vào mối quan hệ của bản thân khi trưởng thành và họ thường tìm kiếm những đối tác có vấn đề, cần sự giúp đỡ, mà họ nuôi dưỡng đến mức tự gây tổn thương cho cảm xúc của chính mình.

So với các bạn cùng trang lứa trong gia đình đầy đủ, trẻ em và thiếu niên báo cáo rằng họ chơi ít hơn; tham gia rất ít vào các hoạt động ngoại khóa như thể thao hay âm nhạc; và ít tham gia vào các chương trình phát triển bản thân như lớp học sau giờ học hay chương trình mùa hè [summer programs / các khóa học, trại hè cho trẻ em]. Điều này là do sự kết hợp của nhiều yếu tố: việc có ít tiền để chi trả cho những hoạt động đó, sự không có sẵn của cha mẹ để thường xuyên đưa đón con cái và tham dự các bài học cũng như sự kiện, việc chuyển đổi thường xuyên cả về khu phố (chuyển nơi ở) và trường học (chuyển trường), những gián đoạn liên tục trong các môn thể thao đồng đội và các hoạt động khác do lịch trình thăm con và quyền nuôi con, cũng như có ít tương tác giữa phụ huynh ly hôn và các bậc phụ huynh khác trong khu phố.

Nỗi niềm tiếc nuối của những người trẻ tuổi và mong muốn không nguôi về những cơ hội đã mất để chơi đùa đã được bày tỏ hàng thập kỷ sau, khi họ đã là người lớn, nói về hy vọng của mình dành cho con cái của họ. “Tôi không muốn con tôi có tuổi thơ giống như tôi.” “Tôi muốn chăm sóc con bé, tôi không muốn con bé phải chăm sóc tôi.” Đến khi 25 năm

trôi qua, phần lớn trong số họ đã quyết định không sinh con. Thường thì lý do mà họ đưa ra là sự thiếu thốn trong trải nghiệm ban đầu của mình. “Không có gì trong tuổi thơ của tôi giúp tôi chuẩn bị cho việc làm cha mẹ cả.”

Tuổi vị thành niên

Khi còn là thiếu niên (lứa tuổi teen), hầu hết các con của những gia đình tan vỡ đã trải qua ít sự bảo vệ hơn so với bạn bè của họ trong các gia đình nguyên vẹn. Chúng phải tự gánh vác nhiều trách nhiệm hơn. Chúng có ít quy tắc hơn, và những quy tắc đó thường không được thực thi một cách nghiêm túc. Trong nhiều nhà, không có giờ giới nghiêm. Khi đứa trẻ bị "cấm túc" hoặc bị phạt vì hành vi không đúng mực ở nhà của một phụ huynh này, thường thì nó sẽ không được thực thi ở nhà của phụ huynh kia. Nhìn chung, có nhiều biểu hiện phản kháng hơn ở thanh thiếu niên trong các gia đình ly hôn so với những em trong gia đình nguyên vẹn. Phát hiện này phù hợp với các báo cáo từ các nghiên cứu quy mô lớn (McLanahan & Sandefur, 1994). Một trong năm cô gái đã có trải nghiệm tình dục đầu tiên trước tuổi 14. Hơn một nửa số cô gái đã quan hệ tình dục với nhiều bạn tình trong thời gian học trung học. Các cô gái cho biết họ thường xuyên lui tới các quán bar nơi việc kiếm bạn tình là chuyện thường. Họ được thúc đẩy bởi mong muốn có một người đàn ông ôm ấp và theo đuổi. Chính xác thì quan hệ tình dục không phải là mục tiêu của họ mà chỉ là cái giá họ phải trả để nhận được sự chú ý. Một số cô gái nói rằng họ chỉ quan hệ tình dục khi say rượu hoặc phê ma túy (high on drugs). Biện pháp phòng tránh [tránh thai, tránh các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục] hiếm khi được sử dụng. Mặc dù chúng tôi đã không tính toán tỷ lệ cụ thể, nhưng có vài cô gái trung học thông báo rằng họ đã phải phá thai nhiều lần.

Ngược lại, đa số các cô gái đến từ gia đình nguyên vẹn hoãn quan hệ tình dục cho đến cuối trung học phổ thông hoặc đầu đại học, với hầu hết chỉ quan hệ trong bối cảnh một mối quan hệ ổn định (established

relationship). Tất cả họ đều có giờ giới nghiêm trong những năm học trung học. Hầu hết các gia đình này có quy tắc nghiêm ngặt hơn và giám sát chặt chẽ hơn đối với con gái so với con trai. Cha mẹ của họ không mong đợi con cái giữ trinh tiết cho đến khi tốt nghiệp trung học, nhưng họ kỳ vọng rằng quan hệ tình dục sẽ diễn ra trong một mối quan hệ tôn trọng và lâu dài. Mặc dù số lượng trẻ lớn từ các nhóm gia đình ly hôn và nhóm so sánh báo cáo sử dụng ma túy và rượu bia trong thời gian trung học và đại học là tương tự nhau (50% so với 40%), chúng tôi phát hiện ra rằng- và điều này phù hợp với các nghiên cứu khác (ví dụ, Resnick, 1997): sinh viên từ các gia đình ly hôn báo cáo việc sử dụng sớm hơn, nhiều hơn và kéo dài về mặt thời gian lâu hơn.

Giáo Dục Đại Học

Sự khác biệt giữa nhóm người ly hôn và nhóm so sánh đã được làm nổi bật rõ rệt vào cuối những năm học trung học. Gần như tất cả các em trong nhóm so sánh đều nhớ đã thảo luận với cả hai phụ huynh về kế hoạch học đại học và nghề nghiệp. Không có một đứa trẻ nào của nhóm cha mẹ ly hôn trong nghiên cứu của chúng tôi được cả hai phụ huynh, dù riêng rẽ hay cùng nhau, mời thảo luận về kế hoạch học đại học. Chỉ có 30% trẻ em của cha mẹ ly hôn nhận được sự hỗ trợ đầy đủ hoặc phần nào liên tục từ phụ huynh trong suốt quá trình đại học và sau đại học, so với 90% trong nhóm so sánh. Một mô hình khá phổ biến là sự hỗ trợ có sẵn trong hai năm đầu và bất ngờ giảm sút hoặc biến mất trong hai năm cuối, tạo ra sự hoang loạn và khiến sinh viên bỏ học.

Tại California, trợ cấp nuôi con theo luật kết thúc khi trẻ 18 tuổi, và trong phần lớn các bang, [phụ huynh] không có nghĩa vụ phải cung cấp bất kỳ sự hỗ trợ tài chính nào sau đó. Ở một số bang, trợ cấp nuôi con kéo dài đến 21 tuổi (hoặc đến 23 tuổi, như ở Massachusetts) cho sinh viên đại học. Các luật sư gia đình thường ngăn ngại không bao gồm hỗ trợ giáo dục đại học trong các thỏa thuận ly hôn, [vì họ] cho rằng nếu người con thăm cha thường xuyên và mối quan hệ của họ thân thiện, người cha sẽ

có động lực để cung cấp hỗ trợ cho việc đi học đại học. Tuy nhiên, điều này không phản ánh kinh nghiệm của những người trẻ này.

Mô hình hỗ trợ giữa mẹ và cha có sự khác biệt đáng kể. Hai phần ba số người trẻ có cha là những chuyên gia thành đạt, phần lớn là bác sĩ, luật sư hoặc doanh nhân. Những người mẹ làm nghề chuyên môn thì là giáo viên, y tá hoặc công tác xã hội. Mặc dù có sự chênh lệch kinh tế rộng lớn giữa mẹ và cha, chỉ có một phần ba trong số người cha cung cấp sự hỗ trợ đều đặn, một phần cho chi phí đại học của con cái, dù họ thường xuyên được thăm viếng và mối quan hệ giữa họ rất thân thiện. Chỉ hai phần ba số sinh viên nhận được sự hỗ trợ định kỳ từ mẹ của họ mà thôi.

Sự khác biệt lớn giữa hai nhóm bắt đầu từ lúc vào đại học. Ở các trường trung học nơi 92% học sinh cuối cấp tiếp tục học đại học, chỉ có 80% nhóm ly hôn được học đại học. Sự khác biệt ngày càng mở rộng khi nhóm ly hôn kết hợp công việc toàn thời gian với việc học ở trường hoặc xen kẽ các học kỳ làm việc toàn thời gian với việc đi học đại học. Vì khó khăn về tài chính, một nửa số thanh niên cuối cùng không được học hành chính quy như cha mẹ họ. Chỉ 57% nhóm ly hôn đạt được bằng cử nhân so với 90% ở nhóm đối chứng. Một hậu quả khác của nền giáo dục đang gặp nguy hiểm của họ là rất ít người có thể theo đuổi sự nghiệp khoa học hoặc bất kỳ chuyên ngành đòi hỏi khát khe nào khiến họ không thể đảm nhận một số công việc khi còn đi học [ý là việc phải làm thêm để có tiền trang trải việc học khiến họ khó có thời gian theo đuổi một số chuyên ngành]. Thật không may, họ lại chọn những ngành học không phải là lựa chọn đầu tiên [ngành học ưa thích / VN còn gọi là nguyện vọng 1] của họ, ở những trường có thứ hạng thấp hơn những trường mà cha mẹ họ đã theo học. Lúc này, một bạn trẻ đồng cảm với cảm xúc của nhiều người khác, đã cay đắng bình luận: “Tôi đã phải trả giá cho việc ly hôn của bố mẹ tôi / I paid for my parents divorce”.

Nơi làm việc

Chúng tôi lưu ý ngắn gọn rằng những người thành công trong việc đạt được một nền tảng giáo dục tốt đều thành công ở nơi làm việc. Họ kết hợp nền giáo dục chính quy với sự độc lập ban đầu và kinh nghiệm suốt đời về việc chịu trách nhiệm cho bản thân và người khác. Họ nói với sự tự tin về kỹ năng được mài giũa tốt của họ trong việc hòa hợp với những người khó tính, bởi vì họ đã học được cách thương lượng giữa cha mẹ ghẻ lạnh của họ. Nhiều người tự hào nói: “Tôi phải dựa vào phán đoán của chính mình” hoặc “Tôi phải là cha mẹ của chính mình”. Nhìn chung, họ cư xử có trách nhiệm trong cam kết tự hỗ trợ kinh tế và của con cái họ, và thường trong nỗ lực giúp đỡ các bậc cha mẹ gặp khó khăn. Hầu hết tất cả đều làm việc toàn thời gian với nhiều công việc khác nhau. Những người không có trình độ học vấn phải làm những công việc ít được mong muốn hơn, lương thấp, thấp hơn khả năng trí tuệ của họ, nhưng họ vẫn tự nuôi sống bản thân. Một số kiếm sống bằng nghề mại dâm hoặc bán ma túy. Sự khác biệt giữa hành vi có trách nhiệm của hầu hết những người trẻ tuổi này tại nơi làm việc và các mối quan hệ cá nhân rắc rối của họ đã khiến việc sử dụng bất kỳ thước đo nào để nắm bắt sự điều chỉnh tổng thể của họ trở nên khó khăn.

Các mối quan hệ khi trưởng thành

Phát hiện trọng tâm của nghiên cứu này là việc cha mẹ ly hôn tác động tiêu cực đến khả năng yêu và được yêu trong một mối quan hệ lâu dài và cam kết (to love and be loved within a lasting, committed relationship). Ở tuổi trưởng thành, khi tình yêu, sự thân mật tình dục, sự cam kết và hôn nhân chiếm vị trí trung tâm, những đứa trẻ ly hôn bị ám ảnh bởi bóng ma cuộc ly hôn của cha mẹ và sợ hãi rằng số phận tương tự đang chờ đợi chúng. Những nỗi sợ hãi này lên đến đỉnh điểm ở giai đoạn đầu tuổi trưởng thành, cản trở quá trình phát triển của chúng để trưởng thành hoàn toàn. Nhiều người cuối cùng đã vượt qua nỗi sợ hãi của mình, nhưng cuộc đấu tranh để làm được điều đó rất đau đớn và có

thể tiêu tốn cuộc đời của họ cả chục năm hoặc hơn. Ngoài việc vượt qua nỗi sợ thất bại, họ còn phải học rất nhiều về sự cho và nhận trong cuộc sống với người khác, về cách giải quyết những khác biệt và cách giải quyết xung đột. Đây là kiến thức mà trẻ em có được khi lớn lên cùng cả cha lẫn mẹ trong những gia đình khá hòa thuận và nguyên vẹn. Khi nghiên cứu của chúng tôi kết thúc, 60% phụ nữ và 40% nam giới đã có thể thiết lập những mối quan hệ lâu dài và hài lòng một cách hợp lý, bao gồm cả một mối quan hệ tình dục thỏa mãn. Gần 40% đã chọn làm cha mẹ. Số còn lại cho biết họ không quan tâm đến việc có con. Một số đông có sự nghiệp thành công nhưng lại phải chịu đựng nỗi cô đơn trầm trọng. Bởi vì hầu hết những người này vẫn ở độ tuổi 30 nên chúng ta có thể thấy những thay đổi trong thái độ của họ đối với các mối quan hệ và vai trò làm cha mẹ.

Một phần ba số đàn ông và phụ nữ tỏ ra rõ ràng là bi quan về hôn nhân và ly hôn và tìm cách tránh xa cả hai. "Nếu bạn không kết hôn, thì bạn cũng chẳng ly hôn," là phương châm của họ. Chỉ có một vài người thực sự hoài nghi. Phần lớn họ khao khát, thậm chí tuyệt vọng, cho một mối quan hệ lâu dài, và lo sợ rằng họ sẽ không bao giờ đạt được điều đó. Họ không muốn sống cuộc sống như cha mẹ mình đã sống. Thông điệp của họ rất rõ ràng: "Ly hôn của bố mẹ tôi vẫn là điều không thể hiểu được đối với tôi. Họ gặp nhau ở đại học. Họ yêu nhau. Họ tương thích với nhau về sở thích và giá trị sống. Vậy, điều gì có thể ngăn cản số phận tương tự không xảy ra với tôi?" Họ liên tục nói với chúng tôi, "Tôi muốn kết hôn, nhưng tôi chắc chắn rằng tôi sẽ làm hỏng mọi thứ." Hoặc, "Mối quan hệ nào tôi tham gia cũng sẽ tan vỡ."

Dù đã yêu và sống trong một mối quan hệ hài hòa khá lâu nhưng nỗi sợ cam kết vẫn không thể làm họ lắng dịu. Một người đàn ông chia sẻ với chúng tôi, "Chúng tôi đã sống cùng nhau được bốn năm. Cô ấy mang lại tình yêu và tiếng cười cho cuộc đời tôi. Tôi không thể tưởng tượng mình sẽ ở bên ai khác. Nhưng mỗi khi cô ấy đề cập đến chuyện hôn nhân, tôi lại cảm thấy nỗi buồn sâu thẳm trào dâng bên trong mình. Đó chính xác

là cảm giác của tôi khi tôi 7 tuổi, khi bố mẹ tôi ly hôn." Ngay cả những người trong các cuộc hôn nhân và mối quan hệ ổn định, thoả mãn cũng vẫn có cảm giác không an toàn, một linh cảm mạnh mẽ rằng hạnh phúc của họ có thể chỉ là nhất thời, rằng họ không xứng đáng có được một liên minh hạnh phúc, lâu dài. Họ cảm thấy đặc biệt bất lực khi phải đối mặt với xung đột. Bất kỳ cuộc tranh cãi hay chỉ là sự khác biệt quan điểm trong mối quan hệ gần gũi nào cũng đại diện cho con dốc trơn trượt đáng sợ dẫn đến việc chia ly và mất mát. Phản ứng đầu tiên của họ là hoảng loạn, tiếp theo là mong muốn trốn chạy. Hầu như không ngoại lệ, họ bày tỏ điều họ gọi là "nỗi sợ chiếc giày thứ hai rơi xuống / the fear of the second shoe dropping." [Cụm từ này được sử dụng để mô tả tình trạng lo lắng hoặc sợ hãi liên tục về một sự kiện tiêu cực hoặc không may mắn khác có thể xảy ra sau một sự kiện tương tự đã xảy ra trước đó]. Họ tin rằng nếu họ đi ngủ trong niềm vui, nguồn gốc của niềm vui ấy, dù là cuộc hôn nhân tuyệt vời hay đưa con yêu quý, sẽ biến mất vào buổi sáng. Họ giải thích, điều có sức tàn phá khủng khiếp trong điềm báo này là: càng cảm thấy hạnh phúc, nguy cơ của tổn thất bất ngờ lại càng lớn.

Họ phàn nàn rằng mình không được chuẩn bị sẵn sàng cho hôn nhân. "Tôi chưa bao giờ thấy một người đàn ông và một người phụ nữ cùng đứng trên một tấm ván." [ám chỉ sự khác biệt rất lớn về quan điểm, cách sống giữa nam và nữ], "Đôi khi tôi cảm thấy mình được nuôi dưỡng trên một hòn đảo hoang. Việc kết hợp tình yêu với sự gần gũi về mặt tình dục là một ý tưởng lạ lẫm đối với tôi." Mặc dù, đối với nhiều người, việc ly hôn của cha mẹ có thể là sáng suốt và cần thiết, nhưng các con của họ không đi đến kết luận này cho đến khi họ trưởng thành. Hầu hết coi việc ly hôn của cha mẹ như là sự thất bại trong việc hoàn thành một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của cuộc sống. Họ phàn nàn về sự vụng về của cha mẹ. "Mẹ tôi chưa bao giờ dạy tôi về đàn ông. Bà ấy không biết gì cả." Khi được hỏi liệu họ có đi tìm lời khuyên từ cha không, ít hơn 10% nói rằng họ sẽ tham khảo ý kiến của ông về một vấn đề cá nhân. "Tôi đã học từ ba cách không nên làm cha," một người đàn ông

nói khi anh ta đang chờ đợi đưa con đầu lòng của mình. "Liệu như vậy đã đủ chưa?" chúng tôi hỏi. "Đó là tất cả những gì tôi có. Nó phải được chấp nhận," câu trả lời đầy ảm đạm.

Những lo âu thường khiến họ tìm kiếm tình yêu ở những nơi kỳ lạ, đưa ra những quyết định bốc đồng mang tính phá hoại, bám víu vào những người bạn đời lợi dụng họ trong nhiều năm, che giấu việc tìm kiếm tình yêu ẩn sau lối sống buông thả, chấp nhận bất cứ ai tự nguyện chuyển đến sống cùng, hoặc hoàn toàn tránh tiếp xúc thân mật, tự nhận mình là "con của ly hôn," như thể đó là một danh tính cố định, định nghĩa họ mãi mãi. Nam và nữ phản ứng khác nhau trước nỗi sợ hãi của họ, mặc dù cả hai nhóm đều chia sẻ mong muốn được yêu và sự e ngại bị tổn thương giống nhau. Nam giới có xu hướng rút lui khỏi mối quan hệ. Một số lượng đáng kể nam giới trẻ tránh xa các mối quan hệ hoàn toàn. Khi nghiên cứu kết thúc, 42% nam giới chưa từng kết hôn hay sống chung quá 6 tháng, so với 6% trong nhóm đối chứng. Một nửa số nam giới độc thân trong nhóm ly hôn sống cuộc sống buồn bã, cô lập. Một người đàn ông trẻ đã tự kỷ luật mình không ăn tối để tránh sự khổ sở của việc ăn một mình. Một nhóm khác ở nam giới bị tổn thương sâu sắc bởi sự thất bại của mối tình đầu và rút lui khỏi cảnh hẹn hò trong nhiều năm sau đó. Nhiều người trong số họ thụ động một cách đáng ngạc nhiên trong mối quan hệ với phụ nữ và hoàn toàn không biết cách phản ứng trước mong muốn hay phàn nàn của người phụ nữ khi họ sống chung.

Ngược lại, không có phụ nữ nào luôn ở một mình. Mô hình nổi bật là họ lao đầu vào các mối quan hệ một cách phản cảm, thường là với những người đàn ông mà họ hầu như không biết hoặc với những người đàn ông cần được giải cứu. Không giống như nam giới, tất cả phụ nữ ở cả nhóm đã ly hôn và nhóm so sánh đều đã từng có quan hệ tình cảm, dù là ngắn ngủi hay lâu dài. Một nhóm nhỏ gồm hơn 20 phụ nữ thuộc nhóm đã ly hôn [tức là các cô gái ở độ tuổi trưởng thành, mà bố mẹ họ đã ly hôn] đang tìm kiếm nhiều người tình. Nhiều người trong số những phụ nữ này, bằng sự thừa nhận của chính họ, cảm thấy bị buộc phải thu hút,

chinh phục, từ chối và nhanh chóng bước tiếp. Như một người phụ nữ đã nói: "Tôi muốn trở nên mạnh mẽ như một người đàn ông". Một người phụ nữ khác thừa nhận đã có tình một đêm với hơn 50 người đàn ông trong những năm học cao học. Những cuộc gặp gỡ tình dục của họ dường như bị thúc đẩy bởi sự tức giận đối với đàn ông, điều mà ngay cả mối quan hệ thân thiết của họ với cha mình dường như cũng không thể làm dịu đi. Mười người phụ nữ nói với chúng tôi rằng khi ở bên một người đàn ông mà họ không quan tâm, họ thích thú với chuyện chăn gối, nhưng khi thích hoặc yêu người đàn ông đó, họ lại cứng đờ. Một số phụ nữ trẻ, hấp dẫn đã chấp nhận lời cầu hôn đầu tiên mà họ nhận được, bất kể phẩm chất của người đàn ông đó là gì. Khi được hỏi tại sao lại kết hôn, họ trả lời: "Tôi sợ sẽ không có ai khác hỏi [cưới] tôi". Trong một trường hợp như vậy, người phụ nữ 23 tuổi quay sang một người đàn ông mà cô hầu như không biết vào ngày hẹn hò thứ hai và nói: "Hãy cưới em. Hôm nay là sinh nhật của em."

Ngược lại, những người trong nhóm so sánh, kể cả những người lớn lên trong những cuộc hôn nhân không như mong đợi, vẫn hy vọng rằng sớm muộn gì họ cũng sẽ gặp được người phù hợp và bắt đầu một mối quan hệ hài lòng, cam kết, thường liên quan đến hôn nhân. Xét về tỷ lệ ly hôn cao trong văn hóa của chúng ta, chúng tôi mong đợi nhiều sự nghi ngờ hơn, nhưng chỉ có một số ít thừa nhận lo lắng. "Tôi không bao giờ nghi ngờ rằng mình sẽ kết hôn và có gia đình" là nhận xét điển hình. Họ thấy được những thăng trầm sẽ xuất hiện trong mối quan hệ của mình, nhưng họ không mong đợi thất bại- nếu họ chọn đối tác cẩn thận. Vấn đề lựa chọn bạn đời, điều khiến con cái của những gia đình tan vỡ bối rối, là nơi nhóm so sánh cho biết họ đã dành nhiều nỗ lực nhất. Niềm tin rằng mọi thứ cuối cùng sẽ ổn đã giúp phần lớn họ vượt qua nỗi đau tan vỡ và trì hoãn kết hôn cho đến khi họ cảm thấy sẵn sàng. Thường xuyên họ dựa vào gia đình gốc của mình để tìm kiếm hình ảnh về điều họ mong muốn. "Tôi không muốn một người phụ nữ nóng tính như mẹ tôi." Nhiều nam giới và phụ nữ đã nhắc đến rằng họ muốn ai đó sẽ là một người mẹ/cha tốt cho con cái tương lai của mình. Khi được hỏi

cô ấy đã chọn chồng như thế nào, một người phụ nữ cười và trả lời, "Ngoài việc anh ấy quá điển trai, ý bạn là gì? Tôi muốn ai đó không quá nghiêm túc, người sẽ đối xử tốt với tôi, sẽ là một người cha tốt và là người mà tôi muốn thức dậy bên cạnh 50 năm sau." Cách suy nghĩ này, dường như dễ dàng với nhiều người được nuôi dưỡng trong gia đình hoàn chỉnh, đã không xuất hiện trong lời kể của phụ nữ trong nhóm có bố mẹ ly hôn. Sự khác biệt rộng lớn về tỷ lệ kết hôn và ly hôn giữa con cái của gia đình ly hôn và con cái của gia đình hoàn chỉnh phù hợp với dữ liệu quốc gia (liên hệ cá nhân, Norval Glenn, tháng 11/1997, dựa trên số liệu từ Tóm tắt Thống kê của Cục Điều tra Dân số Hoa Kỳ, 1997, cho người lớn từ 18–44 tuổi). Đến cuối cuộc nghiên cứu của chúng tôi, 60% nhóm ly hôn đã kết hôn, so với 80% nhóm so sánh và 84% mẫu quốc gia. [Trong nhóm ly hôn], 50 phần trăm trong số những người kết hôn là trước tuổi 25. Trong số đó, 57% đã ly dị. Trong nhóm so sánh, chỉ có 11% kết hôn trước tuổi 25 và trong số đó có 25% ly dị. Tỷ lệ ly dị tổng cộng vào cuối cuộc nghiên cứu là 40% cho con cái của các gia đình ly dị so với 35% toàn quốc cho các cá nhân trong nhóm tuổi này, nhưng chỉ có 9% cho nhóm so sánh của chúng tôi. Kết quả của việc kết hôn muộn cho cả hai nhóm ly dị và so sánh là không thể dự đoán được. Khi xem xét các cuộc hôn nhân này được trì hoãn, phần lớn có vẻ đã được cải thiện. Một số người đã đi xa để kết hôn với người từ các gia đình hoàn chỉnh. "Anh ấy không có gánh nặng," một người phụ nữ tuyên bố một cách hãnh diện khi miêu tả chồng mình "Trong gia đình anh ấy chưa từng có ai ly hôn."

Trong số một phần ba số người trưởng thành đã tham gia trị liệu vì lo lắng về các mối quan hệ của người trưởng thành, một nửa nhận thấy trải nghiệm này "rất hữu ích". Nhóm trì hoãn kết hôn cho đến khi họ ở độ tuổi 30 đã từng trải qua những mối quan hệ tình dục và thất bại trong các mối tình ở độ tuổi 20 nhưng dường như họ đã học được cách lựa chọn cẩn thận hơn và tự tin hơn khi bước sang tuổi 30. Một số người đã kiềm chế để không tiếp tục hành vi lảng nhãng hoặc khiêu khích bằng cách có được những người bạn đời ổn định, những người rộng lượng,

yêu thương và nhận thức được vấn đề. Cuối cùng, họ cũng đã có thể nói lòng mối quan hệ với cha mẹ và đạt được khoảng cách về mặt cảm xúc và địa lý cần thiết để giải phóng bản thân khỏi cảm giác rằng sự thất bại trong các mối quan hệ của chính họ là điều không thể tránh khỏi.

Một cái nhìn ngắn gọn về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái

Việc nuôi dạy con cái gặp phải sự mâu thuẫn lớn hơn ở những gia đình sau ly hôn so với những gia đình nguyên vẹn. Chúng tôi thấy rằng tầm quan trọng của mối quan hệ hôn nhân và cấu trúc gia đình ổn định trong việc bảo vệ mối quan hệ cha mẹ và con cái, cũng như tính ổn định trong cam kết của mỗi cha mẹ đối với con cái đã bị đánh giá thấp. Việc nuôi dạy con cái mà không có các yếu tố bảo vệ này sẽ dễ bị biến động và mất tập trung, đặc biệt khi cha hoặc mẹ vướng vào một mối tình say đắm hoặc bước vào cuộc hôn nhân thứ hai hoặc thứ ba, hoặc ly hôn một lần nữa, hoặc khi một phụ huynh cảm thấy chán chường hoặc bực bội với những thói hư tật xấu của con cái họ khi chúng bước vào tuổi vị thành niên.

Phù hợp với sự chú ý đã được tập trung trong những năm gần đây vào mối quan hệ giữa cha và con cái (Thompson, 1994), chúng tôi báo cáo rằng tại cột mốc 25 năm, một phần ba trẻ em đã gặp cha mình hàng tuần trong thời thơ ấu và với một số thường xuyên trong tuổi trưởng thành. Những người khác từng thường xuyên gặp cha mình khi còn nhỏ lại ít liên lạc khi trưởng thành. Sự giảm sút liên lạc này khi bước vào tuổi trưởng thành, đặc biệt là trong số các bé trai, rất nổi bật so với nhóm cha và con trai trong nhóm so sánh, nhiều người trong số họ [nhóm so sánh] trở nên thân thiết hơn sau khi cha về hưu. Trong số những người duy trì liên lạc thường xuyên với cha sau ly hôn, có vài người đã sống trong nhà của cha họ trong một năm hoặc hơn trong thời thơ ấu hoặc tuổi vị thành niên. Một số người đã làm việc trong doanh nghiệp của cha và gặp cha hàng ngày qua nhiều năm. Tuy nhiên, những người trẻ này không tỏ ra ít lo lắng hơn về tình yêu và cam kết so với những người ít

gặp cha họ hoặc hầu như không gặp gỡ. Thực tế, ảnh hưởng của người cha thường rõ ràng trong sự lựa chọn nghề nghiệp của con cái nhưng không phải trong hiểu biết hoặc niềm tin của họ vào các mối quan hệ. Vì vậy, một cô gái trẻ đã trở thành luật sư môi trường tận tụy cho biết cô chọn nghề này do sự ủng hộ mãnh liệt của cha cô đối với các hoạt động bảo tồn, điều mà cô đã chia sẻ với ông từ khi còn là một đứa trẻ và thiếu niên. Ở tuổi 30, cô miêu tả việc mình tham gia vào nhiều mối quan hệ kéo dài trung bình 6 tháng và cảm thấy không có ham muốn tình dục nếu cô thích người đàn ông đó. Cô nói, "Không phải là tình dục làm tôi sợ. Đó là việc trở nên gần gũi."

Trẻ em quan sát cha mẹ một cách cẩn thận và hình thành những đánh giá đạo đức mạnh mẽ về mỗi người. Chúng quan sát cách cha mẹ đối xử với nhau và cố gắng đọc được cảm xúc thực sự bên dưới hành vi bề ngoài. Mối quan tâm của chúng đối với sự tương tác giữa cha mẹ vẫn tiếp tục trong suốt những năm trưởng thành của chúng. Việc cha mẹ tiếp tục yêu hay giận nhau, cũng như sự ghen tị của họ với chồng mới, người tình hoặc vợ trẻ của người cũ, đã được bàn tán không ngừng giữa các anh chị em. Nếu một bên cha/mẹ đã xây dựng lại cuộc sống của mình một cách thành công còn người kia lại không hạnh phúc thì sự khác biệt đó sẽ khiến con cái đau khổ. Khi trưởng thành, họ thương hại người cha mẹ cô đơn và đổ lỗi cho người cha mẹ may mắn vì đã thiếu lòng nhân ái hoặc đã gây ra đau khổ cho người khác. Khi còn nhỏ, tình cảm của họ đối với cha mẹ dường như nồng nàn hơn so với những người bạn cùng trang lứa trong những gia đình trọn vẹn, những người ít nhiều coi cha mẹ là điều đương nhiên, trừ khi cha mẹ bị bệnh hoặc đau khổ.

Khi trưởng thành, nhiều người tham gia trong chương trình của chúng tôi vẫn cảm thấy tức giận vì không được thông báo về nguyên nhân ly hôn. Những người bất đắc dĩ phải đến thăm cha mẹ, bị lệnh của tòa án ép buộc một cách cứng rắn trong thời niên thiếu vẫn đặc biệt tức giận. Họ từ chối liên lạc với người cha/mẹ đó sau khi đủ 18 tuổi và thường

không nối lại liên lạc trong nhiều thập kỷ sau đó. Mối quan hệ giữa cha mẹ kế và con riêng rất đa dạng. Một số cha mẹ kế được quý mến, ngưỡng mộ và kính trọng; những người khác tỏ ra phẫn nộ hoặc phớt lờ. Trừ khi họ là những bậc cha mẹ tích cực khi đứa trẻ còn rất nhỏ, họ hiếm khi khơi dậy được tình yêu mãnh liệt hay sự quan tâm nồng nàn mà con cái dành cho cha mẹ ruột của mình.

Cuộc thảo luận

Lời kêu gọi tự do hóa việc ly hôn vào đầu những năm 1970 hứa hẹn những cuộc hôn nhân hạnh phúc và tốt đẹp hơn. Trớ trêu thay, những phát hiện từ nghiên cứu này cho thấy rằng, mặc dù việc ly hôn giúp nhiều người lớn được tự do và nhiều cuộc hôn nhân thứ hai hạnh phúc hơn nhưng những lợi ích này lại không áp dụng cho con cái họ. Ly hôn tạo ra ít cuộc hôn nhân hơn, cuộc hôn nhân tồi tệ hơn và nhiều cuộc ly hôn hơn. Điều này không nên khuyến khích chúng ta rút lui khỏi việc coi ly hôn như một quyền của người trưởng thành. Tuy nhiên, nó kêu gọi sự chú ý đến những vấn đề lâu dài trong cuộc sống của những đứa trẻ có liên quan. Chúng ta đã sai ở đâu và chúng ta có thể làm gì?

Những phát hiện từ nghiên cứu này kêu gọi sự thay đổi trong mô hình chủ đạo của chúng ta trong việc hiểu tác động của việc ly hôn đối với trẻ em và những biện pháp can thiệp đã được phát triển để giảm thiểu tác động của nó. Tiền đề được chấp nhận rộng rãi là ly hôn thể hiện một cuộc khủng hoảng cấp tính mà từ đó những đứa trẻ kiên cường sẽ hồi phục, thường là trong khoảng thời gian 2 năm, và sau đó tiếp tục tiến trình phát triển bình thường của mình, nếu có đủ ba điều kiện: (a) cha mẹ có thể giải quyết những khác biệt của họ và không gây chiến; (b) các thỏa thuận tài chính công bằng; Và (c) đứa trẻ tiếp tục liên lạc với cả cha và mẹ trong những năm sau đó. Ấn ý trong mô hình này là quan điểm cho rằng sau những xáo trộn của cuộc ly hôn, mối quan hệ cha mẹ và con cái sẽ trở lại nguyên trạng; việc nuôi dạy con cái lại tiếp tục như trước khi chia tay, và đứa trẻ tiếp tục phát triển tốt, hoặc thậm chí tốt

hơn, để trừ đi các xung đột hôn nhân trong những năm trước khi ly hôn. Một mô hình song song đặt sự mất mát vào trung tâm của vụ ly hôn: Mỗi nguy hiểm đối với đứa trẻ chủ yếu là việc mất đi cha hoặc mẹ, thường là người cha. Theo quan điểm này, người ta cho rằng đứa trẻ sẽ được bảo vệ khỏi những vấn đề lâu dài nếu đảm bảo tiếp tục liên lạc với cả cha và mẹ.

Mô hình đầu tiên đã dẫn đến một loạt các biện pháp can thiệp tập trung vào việc giảm xung đột giữa cha mẹ, bao gồm hòa giải, hợp tác ly hôn, các chương trình được cung cấp dưới sự bảo trợ của tòa án để giáo dục cha mẹ cách tránh xung đột và kiện tụng, cùng một loạt các chương trình giáo dục khác, để giúp các bậc cha mẹ có xung đột cao kiểm soát cơn giận của họ. Mô hình thứ hai được thể hiện trong việc cùng nuôi dưỡng con, trong các nỗ lực pháp lý nhằm ngăn chặn việc người mẹ rời khỏi cộng đồng nơi người cha cư trú, và trong việc khuyến khích những người cha coi trọng vai trò, tiếp tục tham gia tích cực vào việc nuôi dạy con cái sau khi chia tay.

Tuy nhiên, hầu hết trẻ em trong nghiên cứu này đều tiếp xúc thường xuyên với cha chúng trong suốt thời thơ ấu. Một phần ba gặp gỡ hàng tuần hoặc thường xuyên hơn. Không có cha mẹ nào xung đột thông qua tòa án về quyền thăm nom hoặc quyền nuôi con. Khi cha mẹ hòa hợp và duy trì mối quan hệ chăm sóc với con cái của họ trong cuộc hôn nhân đầu tiên, không bị suy giảm bởi các mối quan hệ sau ly hôn, và khi cả cha và mẹ đều có cuộc sống cá nhân khá tốt, thì tuổi thơ và tuổi thiếu niên của con cái sẽ được bảo vệ. Tuy nhiên, ngay cả một tuổi thơ được bảo vệ cũng không bảo vệ được những đứa trẻ, ở giai đoạn cuối tuổi thiếu niên và đầu tuổi trưởng thành, khỏi nỗi sợ rằng mối quan hệ yêu đương của chúng sẽ tan vỡ.

Nghiên cứu kéo dài 25 năm này chỉ ra rằng, ly hôn không phải là một áp lực cấp tính mà đứa trẻ có thể hồi phục, mà là *một trải nghiệm biến đổi cuộc đời* của chúng. Gia đình ly hôn không đơn giản chỉ là gia đình

nguyên vẹn đã loại bỏ đi mối quan hệ hôn nhân rắc rối. Có nhiều áp lực trong gia đình sau ly hôn, và trẻ em cần phải thích nghi với rất nhiều thách thức lớn. Do đó, mặc dù việc ly hôn được thiết kế để giảm bớt áp lực và có thể đã làm được như vậy cho người lớn, nhưng với trẻ em, những áp lực từ gia đình ly hôn có thể nặng nề hơn, và chúng có thể cảm thấy chính xác rằng mình đã mất đi nhiều hơn là nhận lại được. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp như phần lớn trẻ em trong nghiên cứu này, khi chúng tương đối hài lòng trước khi gia đình tan vỡ và không mong đợi sự xáo trộn phía trước. Kết quả của chúng tôi cho thấy, trong khi trẻ em ở trong gia đình nguyên vẹn thường tìm kiếm sự liên tục với cha mẹ của mình, những đứa trẻ từ gia đình ly hôn lại tìm kiếm sự không liên tục. Chúng sợ bị đồng nhất với cha mẹ của mình. Những người trong nghiên cứu của chúng tôi mà gần gũi với ông bà ổn định (stable grandparents) cảm thấy được an ủi và thoải mái bởi những gương mẫu mà ông bà mang lại, nhưng chỉ có một số ít có thành viên gia đình mở rộng luôn "trung thành" với chúng theo lời của các em. Trái ngược với mô hình mất mát, việc tiếp tục duy trì liên lạc thường xuyên với cả hai bậc cha mẹ không làm giảm bớt sự khổ đau của chúng khi trưởng thành, nhất là khi điều kiện sống của cha mẹ không nhất quán và một trong hai người cảm thấy cô đơn và không hạnh phúc.

Có vẻ như khi đứa trẻ ly hôn bước vào giai đoạn trưởng thành, bối cảnh thiếu những hình ảnh đẹp đẽ về cách một người đàn ông và phụ nữ trưởng thành có thể chung sống với nhau trong một mối quan hệ ổn định - và điều này trở thành trở ngại chính ngăn cản hành trình phát triển của đứa trẻ. Nhu cầu về một hình ảnh nội tâm tốt đẹp của cha mẹ với tư cách là một cặp vợ chồng là điều quan trọng đối với mỗi đứa trẻ trong những năm trưởng thành của mình. Tầm quan trọng của mẫu nội bộ này tăng lên ở tuổi thiếu niên. Những ký ức buồn trong quá khứ và những quan sát từ hiện tại tăng lên đến đỉnh điểm đầy kịch tính khi những người trẻ từ những gia đình đã ly hôn đối mặt với các vấn đề về tình yêu, tình dục và sự cam kết lâu dài, đồng thời khi họ giải quyết các vấn đề thực tế hàng ngày trong việc lựa chọn bạn đời, hình thành một

mối quan hệ về những gì họ đang tìm kiếm, về việc phân biệt tình yêu với sự phụ thuộc và tạo ra một mối quan hệ mật thiết lâu dài.

Làm thế nào mà khuôn mẫu nội tâm (inner template) của đứa trẻ ly hôn khác biệt so với người trẻ tuổi trong gia đình đầy đủ, đặc biệt là khi đứa trẻ có thể tiếp xúc với cả bố lẫn mẹ và bố mẹ không xảy ra xung đột? Như mọi "đứa trẻ của ly hôn" [child of divorce] trong nhóm nghiên cứu của chúng tôi đã nói, dù họ có gặp gỡ bố mẹ mình bao nhiêu lần qua năm tháng, hình ảnh về họ khi còn là một cặp vợ chồng mãi mãi đã biến mất; và người bố ở một nhà, người mẹ ở nhà khác không thể hiện được hôn nhân. Quyền nuôi con chung không dạy cho trẻ em cách tạo dựng sự gắn gũi và tình cảm với nhau khi trưởng thành, cách giải quyết xung đột trong hôn nhân, hay cách đối phó, như một cặp vợ chồng, với khủng hoảng gia đình. Khi lớn lên, những đứa trẻ này thiếu đi hình ảnh an ủi trung tâm này. Ngược lại, những đứa trẻ từ gia đình nguyên vẹn kể nhiều câu chuyện về cuộc sống gia đình và cách bố mẹ họ gặp gỡ và kết hôn. Họ đã dành những năm tháng tuổi thơ quan sát sự tương tác của bố mẹ và học hỏi về hôn nhân, và họ hiểu rõ về những thăng trầm có thể mong đợi. Đối với con cái trong gia đình ly hôn, sự tương tác giữa bố mẹ - bao gồm quá trình tìm hiểu, kết hôn và ly dị - sụp đổ thành một "hố đen", như thể bố mẹ là một *cặp đôi* thống nhất đã biến mất khỏi thế giới và cuộc sống nội tâm của đứa trẻ.

Ý nghĩa của các Can thiệp

Nghiên cứu này, cùng với các nghiên cứu khác, đã tạo ra các chương trình giáo dục và lâm sàng trên khắp cả nước nhằm hỗ trợ phụ huynh và trẻ em vào thời điểm gia đình tan vỡ. Hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu nào về hiệu quả lâu dài (long-term effectiveness) của những can thiệp này hoặc các can thiệp khác.

Có một số vấn đề chính sách xuất hiện từ nghiên cứu này. Chúng bao gồm: (a) làm cho việc tiếp cận giáo dục đại học trở nên công bằng hơn bằng cách mở rộng hỗ trợ nuôi con trên toàn quốc sau 18 tuổi cho

những thanh niên đang theo học đại học, trong các gia đình mà thanh niên có thể đã nhận được sự hỗ trợ tài chính đáng kể nếu như cha mẹ họ không chia tay; (b) cần sự công nhận rộng rãi hơn của tòa án, người hòa giải và phụ huynh về tầm quan trọng của việc xem xét quyền lợi và mối quan tâm của thanh thiếu niên khi thiết lập lịch trình quyền nuôi con; và (c) can thiệp ngay thời điểm gia đình tan vỡ cho trẻ em và phụ huynh trong các gia đình mà trẻ em đã chứng kiến bạo lực gia đình, nhằm ngăn chặn các triệu chứng sau chấn thương ngày càng củng cố. Chúng tôi tin rằng những biện pháp này sẽ giảm bớt sự đau khổ và làm giảm đi sự tức giận kéo dài của nhiều trẻ em đối với cha mẹ của họ.

Những thách thức lớn trong việc gieo hy vọng, tạo ra những hình ảnh tốt đẹp về mối quan hệ nam - nữ, và dạy cho người trẻ cách chọn bạn đời phù hợp để xây dựng một mối quan hệ bền vững là vô cùng phức tạp và vượt xa bất kỳ can thiệp nào đã được thử nghiệm. Dưới đây là một số gợi ý ban đầu dựa chủ yếu vào báo cáo từ các nhà lâm sàng và báo cáo điều trị từ các đối tượng của nghiên cứu này.

Có dấu hiệu từ các dịch vụ tư vấn của trường đại học cho thấy nhiều người trưởng thành lớn lên trong các gia đình ly hôn tìm đến liệu pháp trị liệu, đặc biệt là trong hai năm đầu đại học (liên hệ cá nhân, bao gồm tư vấn tại Đại học Stanford, Đại học California tại Berkeley, Đại học Michigan và Đại học bang San Francisco). Các trung tâm tư vấn đã khởi xướng thành công liệu pháp nhóm và cá nhân cho những sinh viên này, những người đến với những lời cầu xin khẩn cấp để được giúp đỡ sau những mối quan hệ thất bại hoặc những mối lo ngại sâu sắc về cha mẹ của họ - bao gồm cả những bậc cha mẹ đã chờ ly hôn cho đến khi đưa con út vào đại học. Nhóm này sẽ mang lại cơ hội tuyệt vời cho một loạt các dự án thí điểm.

Những phát hiện từ nghiên cứu này đã cung cấp một chương trình nghị sự chi tiết cho các nhóm ở một số địa phương, bao gồm cả các nhóm do tư nhân điều hành. Một chương trình như vậy do Tiến sĩ S. Demby ở

Thành phố New York điều hành, có tựa đề “Việc kinh doanh còn sót lại từ cuộc ly hôn của người thân của tôi,” đã thu hút được phản ứng tích cực (liên hệ cá nhân, 2001). Ngoài ra, kinh nghiệm của chúng tôi tại Trung tâm Judith Wallerstein dành cho Gia đình đang chuyển đổi ở Corte Madera, California, cho thấy sự quan tâm mạnh mẽ tương tự ở những chuyên gia trẻ tuổi đang phải chịu đựng những thất bại trong các mối quan hệ, ức chế tình dục và khó khăn trong việc tách biệt cảm xúc khỏi cha mẹ. Kinh nghiệm của chúng tôi là các cô con gái cảm thấy đặc biệt tội lỗi khi tận hưởng một mối quan hệ hạnh phúc hơn với một người đàn ông mà mẹ họ có thể có được.

Các nhóm hoặc khóa học được tổ chức tại trường trung học và đặc biệt là đại học có thể hiệu quả trong việc khơi gợi thái độ nghi ngờ và châm biếm cũng như những mẫu rập khuôn (stereotypes) về hành vi của nam và nữ trong các mối quan hệ gần gũi. Thách thức sẽ là tìm kiếm các cố vấn, nhà trị liệu, hoặc giáo viên có thể thu hút sự quan tâm của sinh viên, đặt ra những câu hỏi gây tranh cãi thay vì giảng đạo cho những người trẻ này, và xử lý một cách thẳng thắn các vấn đề về lòng tin, tình yêu, và tình dục, trong khi truyền đạt sự chân thành, liêm chính, và hy vọng.

Một phần ba số đối tượng trong nghiên cứu này đã tìm đến liệu pháp cá nhân khi trưởng thành. Điều đáng mừng là những người hưởng lợi đã có thể kết thúc mối quan hệ lợi dụng một cách nhanh chóng và sau đó tìm được đối tác phù hợp. Các nhà lâm sàng báo cáo rằng những người này là ứng viên sáng giá cho liệu pháp biểu đạt bởi vì tuổi trẻ, nỗi đau của họ, và động lực cao để nỗ lực thay đổi cuộc sống. Những vấn đề mà họ mang lại phù hợp với nghiên cứu này. Các nhà trị liệu cần được đào tạo để hiểu và phát triển các chiến lược phù hợp, nhắm đến những thách thức đặc biệt mà những người trẻ này mang lại. Họ thiết lập mối liên hệ rất nhanh với nhà trị liệu, nhưng khi họ bắt đầu trân trọng liệu pháp, nỗi sợ bị bỏ rơi xuất hiện mạnh mẽ trong quá trình chuyển giao, và bản năng của họ là bỏ chạy trước khi nhà trị liệu rời bỏ họ. Nếu nhà

trị liệu giải quyết những nỗi sợ này ngay từ đầu quá trình điều trị, điều này sẽ giúp liệu pháp tiếp tục diễn ra. Những người trẻ tuổi này cũng có nguy cơ cảm thấy choáng ngợp bởi nỗi buồn và giận dữ luôn ẩn hiện ngay dưới bề mặt, như thể việc ly hôn của cha mẹ chỉ mới xảy ra ngày hôm qua. Nhà trị liệu có thể giúp đỡ bằng cách công nhận họ đã mạnh mẽ và can đảm giữ nỗi khổ riêng tư cho mình biết bao lâu, có thể để bảo vệ một phụ huynh cần sự quan tâm, nhưng giờ đây đã an toàn để khép lại cánh cửa quá khứ. Đây chính là nhiệm vụ của họ.

Cuối cùng, một chủ đề quan trọng trong giáo dục gia đình có thể là giúp cha mẹ thảo luận với con cái về lý do của việc ly hôn khi chúng trở thành thanh thiếu niên. Sự im lặng hay những giải thích mơ hồ mà hầu hết cha mẹ đưa ra chỉ làm tăng cảm giác cho người trẻ rằng ly hôn xảy ra đột ngột, không có báo trước. Người giáo dục gia đình cũng có thể giúp cha mẹ xem xét lại với con cái những sai lầm đã được cả hai bên thực hiện. Quan trọng nhất, cha mẹ nên đảm bảo cho thanh thiếu niên về hy vọng của họ rằng con cái của họ sẽ thành công trong việc tạo dựng những mối quan hệ lâu dài của riêng mình. Những cam kết rõ ràng như vậy có thể giúp giảm bớt "nỗi sợ thành công" mà nhiều đứa trẻ của các gia đình ly hôn phải đối mặt. Mục tiêu nên là giúp người trẻ nhìn nhận ly hôn không phải là điều không thể tránh khỏi mà là kết quả của lỗi lầm có thể tránh được của con người (Wallerstein & Blakeslee, 2003).

Vẫn còn phải chờ xem liệu những can thiệp này và các can thiệp khác, chưa được phát triển, có thể giảm bớt lo âu và thay đổi các thái độ liên tục được củng cố bởi văn hóa xung quanh đến mức độ nào. Chúng ta đang ở trong một lĩnh vực mới với tư cách là các chuyên gia lâm sàng và giáo dục, cũng như là thành viên của một xã hội đang biến đổi.

Tài liệu Tham Khảo

Amato, P. R. (2000). Hậu quả của việc ly hôn đối với người lớn và trẻ em. *Tạp chí Hôn Nhân và Gia Đình*, 62, 1269–1287.

Amato, P. R., & DeBoer, D. D. (2001). Truyền đạt sự ổn định hôn nhân qua các thế hệ: Kỹ năng quan hệ hay cam kết với hôn nhân? *Tạp chí Hôn nhân và Gia đình*, 63, 1038–1051.

Cherlin, A. J., Chase-Lansdale, P. L., & McRae, C. (1988). Ảnh hưởng của việc ly hôn của cha mẹ đối với sức khỏe tâm thần xuyên suốt cuộc đời. *Tạp chí Xã hội Học Mỹ*, 63, 239–249.

Cherlin, A. J., Kiernan, K. E., & Chase-Lansdale, P. L. (1995). Ly hôn của cha mẹ trong thời thơ ấu và kết quả dân số trong tuổi trẻ thành niên. *Demography*, 32, 299–318.

Hetherington, E. M. (2002, ngày 26 tháng 3). [Phỏng vấn.] *New York Times*, trang D6.

Hetherington, E. M., & Kelly, J. (2002). *Đề tốt hơn hay tệ hơn: Suy nghĩ lại về ly hôn*. New York: Nhà xuất bản Norton.

Lewis, J. L., & Wallerstein, J. S. (1987). Vấn đề phương pháp luận trong nghiên cứu dài hạn về gia đình ly hôn. Trong J. P. Vincent (Chủ biên), *Can thiệp gia đình, đánh giá và lý thuyết* (Tập 4, trang 121–142). Greenwich, CT: Nhà xuất bản JAI Press.

McLanahan, S., & Sandefur, G. (1994). *Lớn lên cùng với cha mẹ đơn thân: Điều gì làm tổn thương, điều gì giúp ích*. Cambridge, MA: Nhà xuất bản Đại học Harvard.

Resnick, M. D. (1997). Bảo vệ thanh thiếu niên khỏi tổn thương: Phát hiện từ Nghiên cứu Dài hạn Quốc gia về Sức khỏe Thanh thiếu niên. *JAMA*, 278, 823–832.

Thompson, R. A. (1994). Vai trò của người cha sau ly hôn. Trong Richard E. Behrman (Chủ biên), *Tương lai của trẻ em* (Tập 4, trang 210–235). Menlo Park, CA: Quỹ David và Lucille Packard.

Wallerstein, J. S., & Blakeslee, S. (1989). *Cơ hội thứ hai: Đàn ông, phụ nữ và trẻ em một thập kỷ sau ly hôn*. Boston: Houghton Mifflin.

Wallerstein, J. S., & Blakeslee, S. (2003). *Vậy còn các con thì sao? Nuôi dạy con cái trước, trong và sau khi ly hôn*. New York: Hyperion.

Wallerstein, J. S., & Kelly, J. B. (1980). *Vượt qua sự chia ly: Làm thế nào cha mẹ và con cái đối phó với ly hôn*. New York: Basic Books.

Wallerstein, J. S., Lewis, J. M., & Blakeslee, S. (2002). *Di sản bất ngờ của việc ly hôn. Nghiên cứu đánh dấu 25 năm*. New York: Hyperion.

- Hết -

Lời của người biên tập: Nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (lyhon.org)

Link gốc bản tiếng Anh:

<https://citeseerx.ist.psu.edu/document?repid=rep1&type=pdf&doi=43e70f0581fd2855a7bc44fe5e6d562f49d4f914>

Mặc dù cố gắng hết sức, nội dung của bản dịch khó tránh khỏi sai sót, mong quý vị thông cảm. Nếu quý vị có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản 3.2 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 04/07/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trong tài liệu sẽ có thông báo rõ ràng về phiên bản để độc giả phân biệt.